TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 76/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14/9/2018
Về tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Tấn Nhàn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Thị Trâm**.

2. Bà **Lê Ngọc Trầm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Vân** –Thư ký Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh TN *tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:*Chị **LTCT**, sinh năm 1994 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 083, ấp 4, xã PT, huyện CĐ, tỉnh LA.

** Bị đơn:* Anh **LQH**, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số B19/2A, ấp TT, xã TH, huyện HT, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị LTCT trình bày:

Chị LTCT và anh LQH chung sống từ năm 2012, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 17/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện HT, tỉnh TN. Chị và anh H chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách cư xử, vợ chồng thường hay cãi vã nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể hàn gắn được, chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 9/2014 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H chung sống có 01 con chung tên LHN, sinh ngày 25/02/2013, hiện cháu Nhân đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu Nhân, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị khai nhận không có và không có ai khác nợ lại chị và anh H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh TN phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt đúng quy định pháp luật.

***Về nội dung vụ án*:**

Về hôn nhân: Chị LTCT và anh LQH chung sống vào năm 2012, có đăng ký kết hôn. Sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau trong cách cư xử, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn ngày càng gay gắt, không thể hàn gắn được và anh chị ly thân nhau từ tháng 9/2014 đến nay. Xét thấy, đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị LTCT đối với anh LQH.

Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung LHN, sinh ngày 25/02/2013 cho chị T nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con..

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị T và anh H theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân của chị T và anh H thấy rằng: Anh chị bắt đầu chung sống từ năm 2012, có đăng ký kết hôn. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H với lý do vợ chồng không hợp nhau trong cách cư xử, thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể hàn gắn được và anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2014 cho đến nay. Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án triệu tập hợp lệ anh H nhiều lần để làm rõ nội dung đơn khởi kiện của chị T nhưng anh H không đến Tòa án. Điều đó, chứng tỏ anh H đã không còn tôn trọng và quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian ngắn, mâu thuẫn xảy ra nhưng anh chị đã không hàn gắn. Nhận thấy, đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên LHN, sinh ngày 25/02/2013, hiện cháu Nhân đang sống cùng chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nhân, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Nhân hiện đang sống cùng chị T và chị T cũng có yêu cầu nuôi dưỡng cháu Nhân nên cần giao cháu Nhân cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình .

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai nhận không có.

Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị LTCT đối với anh LQH.

Chị LTCT được ly hôn với anh LQH.

2. Về con chung: Chị LTCT được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung LHN, sinh ngày 25/02/2013.

Ghi nhận chị LTCT không yêu cầu anh LQH cấp dưỡng nuôi con.

Anh LQH có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị LTCT khai nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Chị LTCT phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019433 ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT, tỉnh TN.

Chị LTCT và anh LQH vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Lâm Tấn Nhàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THADS huyện HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.